BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG
NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

(Ban hành theo Quyết định số 1255/QĐ-ĐHNLBG ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành:
  - Tên tiếng Việt: Quản lý đất đai
  - Tên tiếng Anh: Land Management
  - Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang
- Mã số ngành đào tạo: 885.01.03
  - Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
  - Tên tiếng Việt: Thạc sĩ Quản lý đất đai
  - Tiếng Anh: Master of Land Management
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Hình thức đào tạo: Chính quy (tập trung)
- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

2. Mục tiêu đào tạo

Mã hóa mục tiêu (PGx)	Mô tả nội dung
PG1	Hiểu được cơ sở lý luận triết học trong nhận thức và vận dụng vào lĩnh vực chuyên ngành. Áp dụng các kiến thức cơ sở chuyên ngành, ngoại ngữ, tin học để tư duy, phân tích, đánh giá, xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật đất đai chiến lược phát triển quản lý và sử dụng đất, đề xuất các chương trình, dự án cho các nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý đất đai. Phân biệt, giải thích và áp dụng được những quy định của chính

	sách pháp luật đất đai vào giải quyết và đề xuất các nhiệm vụ chuyên môn trong ngành quản lý đất đai. Phân tích kiến thức chuyên sâu về đánh giá tài nguyên đất đai, đề xuất định hướng quản lý, sử dụng đất hợp lý, hiệu quả và bảo vệ môi trường. Phân tích và đánh giá được những vấn đề liên quan đến kinh tế đất, tài chính đất đai, định giá đất và thị trường bất động sản. Ứng dụng công nghệ hiện đại trong xâydựng cơ sở dữ liệu đất đai; theo dõi, giám sát quản lý sử dụng đất; lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai.
PG2	Đánh giá và nghiên cứu độc lập để đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản lý đất đai và tài nguyên môi trường. Thành thạo trong việc tham gia thực hiện, tư vấn trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đánh giá đất, định giá đất, thanh tra, giám sát quản lý và sử dụng đất, lập dự án trong lĩnh vực quản lý đất đai, xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai. Có khả năng ứng dụng, thiết kế, khai thác và chia sẻ công nghệ, phương tiện hiện đại trong lĩnh vực quản lý đất đai.
PG3	Có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức và sức khỏe tốt; trung thực và tâm huyết với ngành nghề, lĩnh vực chuyên môn đã lựa chọn. Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, đánh giá, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc trong lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp. Có năng lực đàm phán, tham mưu, đề xuất các quyết định, chịu trách nhiệm về những kết luận mang tính chuyên gia về chuyên môn. Có ý thức tuân thủ chính sách, pháp luật của nhà nước.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

PLO	Mã PLOs	Mô tả
Kiến thức	PLO 1.1	Hiểu được cơ sở lý luận triết học trong nhận thức và vận dụng vào lĩnh vực chuyên ngành;
	PLO 1.2	Áp dụng các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật đất đai, xây dựng chiến lược phát triển quản lý và sử dụng

		đất, đề xuất các chương trình, dự án trong lĩnh vực quản lý đất đai.
	PLO 1.3	Vận dụng những quy định của chính sách pháp luật đất đai vào đề xuất và giải quyết các nhiệm vụ chuyên môn trong lĩnh vực quản lý đất đai.
	PLO 1.4	Phân tích đánh giá tiềm năng đất đai, bảo vệ và phục hồi nguồn tài nguyên đất; những vấn đề liên quan đến quy hoạch sử dụng đất bền vững, quy hoạch sử dụng đất đô thị; kinh tế, tài chính đất đai; định giá đất và thị trường bất động sản.
	PLO1.5	Vận dụng công nghệ tiên tiến trong đo đạc, thành lập bản đồ; đánh giá, khai thác công nghệ hiện đại trong xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai; thanh tra, giám sát quản lý và sử dụng đất.
Kỹ năng	PLO 2.1	Thành thạo trong việc tham gia thực hiện, tư vấn thuộc lĩnh vực đánh giá đất, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch nông nghiệp, quy hoạch đô thị, xây dựng khung giá đất, thẩm định giá, bất động sản, thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất và lập dự án trong lĩnh vực quản lý đất đai.
	PLO 2.2	Sử dụng thành thạo công nghệ tiên tiến trong đo đạc thành lập bản đồ; xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai; thanh tra, giám sát quản lý và sử dụng đất.
	PLO 2.3	CĐR8: Kỹ năng tiếng Anh đạt chuẩn bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (tương đương bậc B2 theo khung tham chiếu chung Châu Âu).

Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm	PLO 3.1	Có phẩm chất đạo đức, có năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp cao; có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có ý thức kỷ luật; làm việc theo hiến pháp và pháp luật; hiểu biết các gí trị đạo đức nghề nghiệp.
	PLO 3.2	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; chủ động và thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh; tiếp thu chủ động định hướng phát triển năng lực bản thân nhân vào công tác chuyên môn.
	PLO 3.3	Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành quản lý đất đai và đề xuất những sáng kiến có giá trị trong hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ, giải quyết công việc được giao, xử lý những vấn đề phát sinh trong thực tế.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 tín chỉ

5. Đối tượng tuyển sinh

5.1. Về văn bằng

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng. Đối với ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển phải có Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức của Trường Đại Nông - Lâm Bắc Giang cấp hoặc tương đương trở lên;

b) Đối với người đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu phải tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

5.2. Về năng lực ngoại ngữ

Người dự tuyển phải đáp ứng một trong các yêu cầu về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài;

b) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Có chứng chỉ ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc các chứng chỉ tương đương theo quy định hiện hành trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

e) Có điểm bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ do Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang tổ chức đạt tối thiểu bậc 3/6;

f) Người dự tuyển là công dân nước ngoài có nguyện vọng học tập tại Việt Nam phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

5.3. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với chuyên ngành dự tuyển hoặc các chuyên ngành tuyển sinh khác không yêu cầu về kinh nghiệm công tác chuyên môn.

5.4. Các yêu cầu khác

a) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

b) Có đủ sức khoẻ để học tập và nghiên cứu;

c) Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển đầy đủ, hợp lệ và đúng thời hạn theo quy định của Trường.

6. Tiêu chí tuyển sinh

Theo đề án tuyển sinh của Trường

7. Chương trình học bổ sung kiến thức

7.1. Danh sách ngành đúng, ngành phù hợp

7.1.1. Danh sách ngành đúng (không phải bổ sung kiến thức)

Theo **phụ lục 1** – Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp.

7.1.2. Danh mục ngành phù hợp (phải học bổ sung kiến thức)

Theo **phụ lục 1** – Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp.

7.2. ***Khung chương trình bổ sung kiến thức****(dành cho các thí sinh có bằng đại học ngành phù hợp)*

Theo **phụ lục 2** – Danh mục các học phần bổ sung kiến thức (Áp dụng đối với ngành phù hợp).

8 . Cách thực đánh giá: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang chữ

Việc thi, kiểm tra đánh giá học phần được thực hiện theo điều 25 của Quy chế đào tạo thạc sĩ ban hành theo Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ; *Căn cứ Quyết định số 754/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 20/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ.*

9. Các chương trình đối sánh, tham khảo (ít nhất 3 chương trình trong đó có 1 CTĐT tham khảo từ nước ngoài)

Tên trường: Trường Đại học Tài nguyên & Môi trường Hà Nội, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Putra Malaysia

Tên chương trình: Quản lý đất đai

Link chương trình:

- Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội:

https://dt.hunre.edu.vn/attachment/dt/news/2023/09/14/145151_01.06.2022-B%E1%BA%A3n%20m%C3%B4%20t%E1%BA%A3%20CT%C4%90T%20tr%C3%ACnh%20%C4%91%E1%BB%99%20THS%20ng%C3%A0nh%20Qu%E1%BA%A3n%20l%C3%BD%20%C4%91%E1%BA%A5t%20%C4%91ai.pdf

- Học viện Nông nghiệp Việt Nam:

https://vnua.edu.vn/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao/dao-tao-thac-si/cid/4794

- Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh:

https://pgo.hcmuaf.edu.vn/data/QLDD-UD.pdf

- Trường Đại học Putra Malaysia

https://agri.upm.edu.my/postgraduates/postgraduate_program/master_in_land_resource_management-228

10. Nội dung chương trình đào tạo

10.1. Cấu trúc cơ bản

Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT

TT	Loại học phần	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Phần kiến thức chung	3	5,00
2	Phần kiến thức cơ sở và ngành	48	80,00
2.1	Các học phần bắt buộc	27	45,00
2.2	Các học phần tự chọn	21	35,00
3	Thực tập và Đề án	9	15,00
3.1	Thực tập	-	-
3.2	Đề án	9	15,00
4	Tổng cộng	60	100,00

10.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

Bảng 2. Nội dung chương trình

Mã học phần		**Tên học phần**	**Khối lượng (tín chỉ)**			
Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL	Dạy trực tuyến
		Phần kiến thức chung	**3**			
LLC	3002	Triết học	3	2,0	1,0	x
		Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành	**48**			
		Các học phần bắt buộc	***27***			
QLD	3219	Phân tích chính sách đất đai	3	2,5	0,5	
QLD	3220	Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai	3	2,0	1,0	
QLD	3203	Đánh giá đất nâng cao	3	2,0	1,0	
QLD	3221	Giá đất và tài chính đất đai	3	2,5	0,5	
QLD	3205	Quy hoạch sử dụng đất bền vững	3	2,0	1,0	
QLD	3222	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ nâng cao	3	2,0	1,0	
QLD	3207	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	3	2,0	1,0	x
QLD	3208	Chuyên đề chuyên ngành 1: Mô hình, công nghệ trong Quản lý đất đai	3	0,0	3,0	
QLD	3209	Chuyên đề chuyên ngành 2: Quản lý hành chính Nhà nước về đất đai	3	0,0	3,0	

Mã học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)			
Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL	Dạy trực tuyến
		Các học phần lựa chọn (chọn 21/39 tín chỉ)	***21***			
QLD	3011	Bảo vệ phục hồi tài nguyên đất	3	2,5	0,5	x
QLD	3210	Quản lý tài nguyên đất tổng hợp	3	2,5	0,5	
QTK	3007	Quản lý dự án	3	2,0	1,0	x
QLD	3211	Quy hoạch và quản lý đất đô thị	3	2,5	0,5	x
TNM	3020	Môi trường và phát triển bền vững	3	2,5	0,5	
QLD	3223	Ứng dụng công nghệ thông tin địa lý trong quản lý đất đai	3	2,0	1,0	
QLD	3212	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	2,5	0,5	x
THN	3001	Tiếng Anh chuyên ngành	3	2,5	0,5	
QLD	3213	Thẩm định giá đất và bất động sản	3	2,5	0,5	
QLD	3214	Chính sách thu hồi đất	3	2,5	0,5	
QLD	3224	Quản lý và sử dụng đất nông nghiệp bền vững	3	2,5	0,5	
QLD	3216	Thanh tra, giám sát quản lý và sử dụng đất	3	2,5	0,5	
QLD	3217	Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường nâng cao	3	2,5	0,5	
QLD	3218	Đề án tốt nghiệp	**9**			
		Tổng cộng	**60**			

Ghi chú: Việc tổ chức học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành.

Bảng 3. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH, TN, TL	Tổng số tiết	Giảng viên giảng dạy
Kỳ học thứ 1			**(21 tín chỉ)**				
Học phần bắt buộc (18 tín chỉ)							
1	LLC3002	Triết học	3	30	30	60	ThS. Đinh T. Thanh Hà
2	QLD3222	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ nâng cao	3	30	30	60	PGS.TS. Nguyễn Khắc Thơi
3	QLD3203	Đánh giá đất nâng cao	3	30	30	60	TS. Phùng Gia Hưng

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH, TN, TL	Tổng số tiết	Giảng viên giảng dạy
4	QLD3205	Quy hoạch sử dụng đất bền vững	3	30	30	60	TS. Khương Mạnh Hà
5	QLD3221	Giá đất và tài chính đất đai	3	38	15	53	TS. Nguyễn Thị Khuy
6	QLD3207	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	3	30	30	60	TS. Nguyễn Văn Bài
Học phần tự chọn (chọn 3/6 tín chỉ)							
7	QLD3011	Bảo vệ phục hồi tài nguyên đất	3	38	15	53	PGS.TS. Hồ Thị Lam Trà
8	QLD3213	Thẩm định giá đất và bất động sản	3	38	15	53	TS. Nguyễn Thị Khuy
Kỳ học thứ 2			**(21 tín chỉ)**				
Học phần bắt buộc (6 tín chỉ)							
9	QLD3220	Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai	3	30	30	60	TS. Phùng Gia Hưng
10	QLD3219	Phân tích chính sách đất đai	3	38	15	53	TS. Nguyễn Văn Bài
Các học phần lựa chọn (12/21 tín chỉ)							
11	QLD 3211	Quy hoạch và quản lý đất đô thị	3	38	15	53	TS. Khương Mạnh Hà
12	QTK3007	Quản lý dự án	3	30	30	60	TS. Mai Thị Huyền
13	QLD3223	Ứng dụng công nghệ thông tin địa lý trong quản lý đất đai	3	30	30	60	TS. Chu Thị Bình
14	QLD3210	Quản lý tài nguyên đất tổng hợp	3	38	15	53	PGS.TS. Hồ Thị Lam Trà
15	QLD3214	Chính sách thu hồi đất	3	*38*	*15*	*53*	TS. Nguyễn Hồng Hạnh
16	QLD3224	Quản lý và sử dụng đất nông nghiệp bền vững	3	*38*	*15*	*53*	TS. Trần Giang Hương
17	QLD3217	Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường nâng cao	3	*38*	*15*	*53*	TS. Nguyễn Thị Hải Yến

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH, TN, TL	Tổng số tiết	Giảng viên giảng dạy
Kỳ học thứ 3			**(9 tín chỉ)**				
Học phần bắt buộc (6 tín chỉ)							
18	QLD3208	Chuyên đề chuyên ngành 1 (Mô hình, công nghệ trong quản lý đất đai)	3	0	90	90	PGS. TS. Phạm Thế Trịnh TS. Lưu Văn Năng
19	QLD3209	Chuyên đề chuyên ngành 2 (Quản lý hành chính nhà nước về đất đai)	3	0	90	90	TS. Nguyễn Thị Hải Yến TS. Trần Giang Hương
Học phần lựa chọn (4/12 tín chỉ)							
20	QLD3212	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	38	15	53	PGS.TS. Hồ Thị Lam Trà
21	QLD3020	Môi trường và phát triển bền vững	3	38	15	53	TS. Nguyễn Văn Hoàn
22	QLD3216	Thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất	3	38	15	53	TS. Đào Đức Mẫn
23	THN3001	Tiếng Anh chuyên ngành	3	38	15	53	ThS. Đỗ Thị Huyền
Kỳ học thứ 4							
TT	**Mã học phần**	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**LT**	**TH, TN, TL**	**Tổng số tiết**	**Giảng viên giảng dạy**
Kỳ học thứ 4			**(9 tín chỉ)**				
Học phần bắt buộc (9 tín chỉ)							
24	QLD3018	Luận văn tốt nghiệp/ Đề án tốt nghiệp	9				Cán bộ hướng dẫn
		Tổng cộng	**9**				

11. Mô tả các học phần

11.1. Triết học (3TC: 2,0 - 1,0)

Theo chương trình chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.

Học phần tiên quyết: Không.

11.2. Phân tích chính sách đất đai (3 TC: 2,5LT – 0,5TH)

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về: Các vấn đề cơ bản

về chính sách và phân tích chính sách nói chung; khái niệm, đặc điểm, mục tiêu và vai trò của chính sách đất đai; khái niệm, mục đích, nội dung và phương pháp phân tích chính sách đất đai; phân tích một số chính sách đất đai cụ thể ở Việt Nam. Học phần sẽ giúp cho các học viên có các kiến thức cơ bản làm nền tảng học tập các học phần tiếp theo của chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai.

Học phần tiên quyết: Không.

11.3. Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai (3TC: 2LT-1TH)

Học phần này sẽ cung cấp cho học viên kiến thức chung tổng quan về cơ sở dữ liệu đất đai, trình bày và giải thích được một số khái niệm, trách nhiệm xây dựng và giá trị pháp lý của cơ sở dữ liệu đất đai. Nắm được hệ thống đất đai một số nước trên thế giới từ đó vận dụng để tổng hợp, đánh giá thực trạng và định hướng xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai ở Việt Nam. Vận dụng được kiến thức đã học để xây dựng được cơ sở dữ liệu đất đai và thiết kế được mô hình cơ sở dữ liệu đất đai từ đó cập nhật, vận hành và quản lý bảo mật cơ sở dữ liệu đất đai.

Học phần tiên quyết: Đánh giá đất nâng cao.

11.4. Đánh giá đất nâng cao (3TC: 2LT-1TH)

Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản và nâng cao về các quan điểm đánh giá đất đai được sử dụng trên thế giới và ở Việt Nam; nội dung nguyên tắc, và kỹ thuật xác định các đơn vị bản đồ đất đai và loại hình sử dụng đất. Vận dụng khung đánh giá đất theo FAO cùng các quy trình đánh giá đất của FAO cho một số nhóm đất chính (đất nông nghiệp có tưới, đất nông nghiệp không có tưới, đất lâm nghiệp); các quy trình và kỹ thuật đánh giá phân hạng đất nông nghiệp, chất lượng đất, ô nhiễm đất theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có khả năng sử dụng các mô hình hiện đại trong phân hạng thích nghi đất đai.

Học phần tiên quyết: Không

11.5. Giá đất và tái chính đất đai (3TC: 2,5LT – 0,5TH)

Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các kiến thức tổng quan về tài chính đất đai và định giá đất. Hiểu được các khái niệm về tài chính đất đai và định giá đất cũng như nắm vững được các quy định cơ bản về các khoản thu tài chính từ đất đai, quy trình và nội dung các bước xây dựng bảng giá và xác định giá đất cụ thể. Phân tích mối quan hệ giữa tài chính đất đai và định giá đất.

Học phần tiên quyết: Phân tích chính sách đất đai.

11.6. Quy hoạch sử dụng đất bền vững (3TC: 2LT-1TH)

Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được những kiến thức chung về sử dụng đất

bền vững; phân tích được khái niệm, cơ sở, nguyên tắc và yêu cầu của quy hoạch sử dụng đất bền vững; Tổng hợp và đánh giá được thực tế quy hoạch sử dụng đất một số nước trên thế giới và Việt Nam; Vận dụng lồng ghép các yếu tố môi trường và xã hội nhằm đạt được sự bền vững trong quy hoạch sử dụng đất tại Việt Nam. Đánh giá được việc ứng dụng bài toán tối ưu trong lập phương án quy hoạch sử dụng đất.

Học phần tiên quyết: Đánh giá đất nâng cao.

11.7. Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ nâng cao (3TC: 2LT-1TH)

Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được những kiến thức cơ bản và nâng cao về kỹ thuật trắc địa- bản đồ; ứng dụng kỹ thuật đo đạc trắc địa trong đo đạc địa chính và thành lập bản đồ; ứng dụng các công nghệ mới trong đo đạc thành lập bản đồ và quản lý cơ sở dữ liệu bản đồ.

Học phần tiên quyết: Không.

11.8. Ứng dụng công nghệ thông tin địa lý trong quản lý đất đai (3TC: 2LT-1TH)

Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được những nguyên lý cơ bản, thành phần cơ bản và ứng dụng của hệ thống GIS trong quản lý đất đai. Có khả năng ứng dụng GIS trong thành lập bản đồ, theo dõi biến động đất đai, điều tra đất đai cơ bản, cập nhật và quản lý thông tin đất đai, phân loại và đánh giá chất lượng đất đai; lập, giám sát và cập nhật quy hoạch sử dụng đất.

Học phần tiên quyết: Kỹ thuật trắc địa – Bản đồ nâng cao

11.9. Bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất (3TC: 2,5LT-0,5TH)

Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các cơ sở lý thuyết căn bản tầm quan trọng của việc bảo vệ, phục hồi tài nguyên đất trong công tác quản lý đất đai và trong thực tiễn. Nắm được khái quát về tài nguyên đất trên thế giới và ở Việt Nam, các quá trình thoái hóa đất, ô nhiễm đất, nguyên nhân gây nên và biện pháp kỹ thuật hạn chế thoái hóa đất và ô nhiễm đất. Nắm được chiến lược sử dụng bền vững tài nguyên đất quốc gia và vận dụng đề xuất chiến lược sử dụng đất bền vững cho địa phương.

Học phần tiên quyết: Không.

11.10. Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu (3TC: 2,0LT-1,0TH)

Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được kiến thức cơ bản và nâng cao về sử dụng đất và biến đổi khí hậu như: khái niệm cơ bản về biến đổi khí hậu, nguyên nhân và tác động của biến đổi khí hậu, các giải pháp sử dụng đất thích ứng biến đổi khí hậu. Người học sẽ có khả năng vận dụng kiến thức của học phần vào xây dựng phương án quy hoạch, kịch bản sử dụng đất bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu theo hướng giảm thiểu phát thải và hạn chế tối đa tác động của biến đổi khí hậu.

Học phần tiên quyết: Không.

11.11. Quản lý tài nguyên đất tổng hợp (3TC: 2,5LT-0,5TH)

Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các nội dung kiến thức căn bản và nâng cao về các công cụ cơ bản trong quản lý tổng hợp tài nguyên đất. Cụ thể cung cấp cho học viên kiến thức về các nội dung: Khái quát quản lý tổng hợp tài nguyên đất tổng hợp; luật pháp và công cụ hành chính trong quản lý tổng hợp tài nguyên đất; công cụ quy hoạch và quản trị tài nguyên trong quản lý tài nguyên đất tổng hợp; công cụ tài chính trong quản lý tổng hợp tài nguyên đất.

Học phần tiên quyết: Không.

11.12. Quản lý dự án (3TC: 2,0LT-1,0TH)

Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được về khái niệm đầu tư, đầu tư phát triển, vai trò của đầu tư phát triển; khái niệm và công dụng của các dự án đầu tư phát triển; trình tự, nội dung và công tác tổ chức dự án đầu tư, cách thức tổ chức quản lý và điều hành nhân sự dự án đầu tư. Trang bị cho người học kỹ năng phân tích tài chính, hiệu quả kinh tế, xã hội của dự án đầu tư, cách thức lựa chọn dự án đầu tư, lập kế hoạch quản lý, thực hiện công tác giám sát và đánh giá dự án.

Học phần tiên quyết: Không.

11.13. Quy hoạch và quản lý đất đô thị (3TC: 2,5LT-0,5TH)

Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được kiến thức về đô thị và điểm dân cư đô thị, đô thị hóa và quá trình phát triển đô thị hóa, phân loại đô thị và quy hoạch đô thị. Mục tiêu cơ bản và các hoạt động quản lý nhà nước về đô thị, những xu thế và quan điểm về quy hoạch phát triển đô thị trên thế giới và ở Việt Nam. Người học có thể vận dụng kiến thức vào việc xây dựng định hướng quy hoạch và quản lý đất đô thị, tính toán các chỉ tiêu trong quy hoạch xây dựng đô thị, thiết kế quy hoạch chi tiết, bố trí các khu chức năng và đơn vị ở trong khu đô thị.

Học phần tiên quyết: Quy hoạch sử dụng đất bền vững;

11.14. Môi trường và phát triển bền vững (3TC: 2,5LT-0,5TH)

Môi trường và phát triển bền vững là học phần trang bị cho học viên kiến thức về khái niệm và thành phần môi trường, các dạng tài nguyên thiên nhiên; khái niệm, cấu trúc hệ sinh thái, nguyên lý sinh thái cơ bản, các chu trình sinh hóa địa. Giúp học viên nâng cao các kỹ năng: xác định và phân tích các vấn đề môi trường liên quan đến quản lý sử dụng đất; phân tích, đánh giá và lựa chọn các giải pháp kỹ thuật và chính sách sử dụng đất để giảm thiểu tác động tiêu cực của sử dụng đất đến chất lượng môi trường.

Học phần tiên quyết: Không.

11.15. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (3TC: 2,5LT-0,5TH)

Phương pháp luận nghiên cứu khoa học là học phần trang bị cho học viên kiến thức về các phương pháp tiếp cận nghiên cứu khoa học, các bước hình thành một đề tài nghiên cứu khoa học, cấu trúc của một báo cáo khoa học. Học viên có thể vận dụng kiến thức của học phần để thiết kế đề cương nghiên cứu, áp dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện các nội dung nghiên cứu, thể hiện dữ liệu kết quả nghiên cứu, viết báo cáo thuyết minh, báo cáo tóm tắt và trình bày kết quả báo cáo.

Học phần tiên quyết: Không.

11.16. Tiếng Anh chuyên ngành (3TC: 2,5LT-0,5TH)

Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được kiến thức tổng quát bằng Tiếng Anh của các môn học khác nhau thuộc khối kiến thức ngành Quản lý đất đai. Học viên sử dụng được và phân biệt được các hiện tượng ngữ pháp thường được sử dụng trong tài liệu Tiếng Anh chuyên ngành như câu chủ động, bị động, câu điều kiện, câu có mệnh đề quan hệ, câu so sánh. Ngoài ra học viên còn được tiếp cận và sử dụng thành thạo những từ vựng liên quan đến các chủ đề của chuyên ngành Quản lý đất đai với lượng từ chuyên ngành khoảng 200 từ.

Học phần tiên quyết: Không.

11.17. Thẩm định giá đất và bất động sản (3TC: 2,5LT-0,5TH)

Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các nội dung kiến thức tổng quan về thẩm định giá đất và bất động sản; các phương pháp thẩm định giá bất động sản; quy trình thẩm định giá bất động sản.

Học phần tiên quyết: Không.

11.18. Thanh tra, giám sát trong quản lý và sử dụng đất đai (3TC: 2,5LT-0,5TH)

Học phần cung cấp cho học viên một số kiến thức chung về giám sát, theo dõi, đánh giá việc quản lý và sử dụng đất; vận dụng trong công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đất đai; thanh tra, giám sát việc thực hiện chức năng quản lý sử dụng đất đai của các cấp hành chính trong đó tập trung vào giám sát, theo dõi và đánh giá việc quản lý, sử dụng đất đai; thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu lại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về đất đai và giám sát của công dân trong quản lý và sử dụng đất đai.

Học phần tiên quyết: Phân tích chính sách pháp luật đất đai.

11.19. Chính sách thu hồi đất (3TC: 2,5LT-0,5TH)

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, vị trí, vai trò của công tác thu hồi đất; các chính sách cụ thể về thu hồi đất như căn cứ thu hồi đất, các trường hợp thu hồi đất, trưng dụng đất, trình tự, thủ tục thu hồi đất; đối tượng, điều kiện, mức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Học phần tiên quyết: Phân tích chính sách pháp luật đất đai.

11.20. Quản lý và sử dụng đất nông nghiệp bền vững (3TC: 2,5LT-0,5TH)

Sau khi kết thúc học phần, học viên vận dụng được nguyên tắc và yêu cầu sử dụng đất nông nghiệp; điều tra, đánh giá đất đai phục vụ quản lý và sử dụng đất nông nghiệp; phân vùng nông nghiệp, sử dụng đất nông nghiệp và lồng ghép các tiêu chí phát triển bền vững, biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường trong quản lý và sử dụng đất nông nghiệp; giải pháp, quản lý và sử dụng đất nông nghiệp và xây dựng bộ tiêu chí về chất lượng đất đai phục vụ quản lý và sử dụng đất nông nghiệp.

Học phần tiên quyết: Không.

11.21. Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường nâng cao (3TC: 2,5LT-0,5TH)

Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các kiến thức chung về quản lý tài nguyên và môi trường; xu thế sử dụng tài nguyên và môi trường trên thế giới cũng như ở Việt Nam; nội dung phát triển bền vững tài nguyên và môi trường và nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường.

Học phần tiên quyết: Không.

11.22. Chuyên đề chuyên ngành 1 - Mô hình công nghệ trong quản lý đất đai (3TC: 0LT-3TH)

Giúp học viên tổng hợp các kiến thức đã được học thuộc nhóm các học phần ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý đất đai thông qua học tập, trao đổi kinh nghiệm, tìm hiểu các mô hình công nghệ đã được nghiên cứu và ứng dụng thực tế trong công tác quản lý đất đai tại các cơ quan, đơn vị và địa phương.

Học phần tiên quyết: Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai, Ứng dụng công nghệ thông tin địa lý trong quản lý đất đai, Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ nâng cao.

11.23. Chuyên đề chuyên ngành 2 - Quản lý hành chính nhà nước về đất đai (3TC: 0LT-3TH)

Giúp học viên tổng hợp các kiến thức đã được học thuộc nhóm các học phần quản lý và quy hoạch thông qua học tập, trao đổi kinh nghiệm, tìm hiểu các mô hình thực tế trong quản lý hành chính nhà nước về đất đai tại các cơ quan, đơn vị và địa phương.

Học phần tiên quyết: Phân tích chính sách đất đai, Quy hoạch sử dụng đất bền vững; Giá đất và tái chính đất đai; Bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất.

11.24. Luận văn tốt nghiệp/Đề án tốt nghiệp (9TC: 0LT-9TH)

Áp dụng lý thuyết đã học vào thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học cụ thể trong lĩnh vực quản lý đất đai. Thông qua quá trình nghiên cứu thực hiền đề tài để đánh giá khả năng nghiên cứu độc lập của học viên; chứng tỏ học viên nắm vững kiến thức đã học, cách tiếp cận và các phương pháp nghiên cứu và kỹ năng thực hành để giải quyết vấn đề nghiên

cứu đặt ra.

12. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

12.1. Quy trình đào tạo:

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ; Căn cứ Quyết định số 754/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 20/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ;

12.2. Điều kiện tốt nghiệp:

Được công nhận tốt nghiệp khi hoàn thành đầy đủ các học phần và bảo vệ thành công Đề án tốt nghiệp và có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

13. Danh sách giảng viên thực hiện chương trình

13.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Định hướng ứng dụng	Học phần giảng dạy
1	Hồ Thị Lam Trà	PGS.TS	Quản lý đất đai		Quản lý tài nguyên đất tổng hợp, Bảo vệ phục hồi tài nguyên đất; Giá đất và tài chính đất đai, Thẩm định giá đất và bất động sản.
2	Nguyễn Văn Bài	TS	Đất, nước, môi trường		Phân tích chính sách đất đai, Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện BĐKH; Ứng dụng công nghệ thông tin địa lý trong quản lý đất đai.
3	Khương Mạnh Hà	TS	Quản lý đất đai		Quy hoạch sử dụng đất bền vững; Quy hoạch và quản lý đất đô thị; Phương pháp luận NCKH;
4	Phùng Gia Hưng	TS	Quản lý đất đai		Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai, Đánh giá đất nâng cao; Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường nâng cao.

5	Nguyễn Khắc Thời	PGS.TS	Quản lý đất đai		Kỹ thuật trắc địa-bản đồ nâng cao; Chính sách thu hồi đất; Thanh tra, giám sát quản lý và sử dụng đất.
6	Chu Thị Bình	TS	Quản lý đất đai		Ứng dụng công nghệ thông tin địa lý trong quản lý đất đai; Đánh giá đất nâng cao.
7	Mai Thị Huyền	TS	Kinh tế nông nghiệp		Quản lý dự án
8	Nguyễn Văn Hoàn	TS	Sinh thái nông nghiệp		Môi trường và phát triển bền vững; Quản lý và sử dụng đất nông nghiệp bền vững.
9	Định Thị Thanh Hà	ThS	Triết học		Triết học
10	Đỗ Thị Huyền	ThS	Tiếng Anh		Tiếng Anh chuyên ngành

13.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Định hướng ứng dụng	Học phần sẽ giảng dạy
1	Phạm Thế Trịnh	PGS.TS	Quản lý đất đai		Bảo vệ phục hồi tài nguyên đất; Chuyên đề chuyên ngành 1.
2	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	TS	Quản lý đất đai		Chính sách thu hồi đất
3	Đào Đức Mẫn	TS	Quản lý đất đai		Thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất
4	Nguyễn Thị Khuy	TS	Quản lý đất đai		Giá đất và tài chính đất đai; Thẩm định giá đất và bất động sản.
5	Trần Giang Hương	TS	Quản lý đất đai		Quản lý và sử dụng đất nông nghiệp bền vững; Chuyên đề chuyên ngành 2
6	Nguyễn Thị Hải Yến	TS	Quản lý đất đai		Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường nâng cao; Chuyên đề chuyên ngành 2
7	Lưu Văn Năng	TS	Quản lý đất đai		Chuyên đề chuyên ngành 1

14. Cơ sở vật chất (Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT – mẫu 06, 07, 08)

Số TT	Loại phòng học (Phòng học giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính	Số lượng	Diện tích	Danh mục thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				Đúng, không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần	Diện tích		
1	Phòng học lý thuyết	46	5419	projector	46	Tất cả các học phần của ngành		Đúng	
				Phông chiếu	46				
				Loa	39				
				Điều hoà	7				
2	Phòng học tiếng	1	65	Cabin nghe	50	Các học phần ngoại ngữ			
				Màn hình tivi 21"	2				
				Bàn điều khiển	1				
				Micro	1				
				Ampli	1				
				Loa	4				
				Monitor điều khiển	1				
				Headphone	50				
				Đầu DVD	1				
				Đài cassette	1				
2	Phòng học đa phương tiện	1	100	Cabin nghe nhìn	56	Các học phần thực hành ứng dụng của ngành			
				Máy vi tính nối mạng	56				
				Màn hình theo dõi 32"	1				
				Máy tính chủ	1				
				Bàn điều khiển đa năng	1				
				Đầu DVD	1				
				Đài cassette	1				
				Ampli	1				
				Micro	1				
				Loa	4				
				Headphone	56				
3	Phòng máy tính	5	300	Máy tính nối mạng internet	204	Các học phần ứng dụng CNTT			
4	Phòng máy chuyên ngành	2	150	Máy tính nối mạng internet, cài	30	Các học phần thực			

Số TT	Loại phòng học (Phòng học giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính	Số lượng	Diện tích	Danh mục thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				Đúng, không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần	Diện tích		
				đặt phần mền ứng dụng		tập chuyên ngành			
				Máy toán đạc điện tử Topcon; Nikon	6				
				Máy định vị vệ tinh HUACE X91 GNSS	2				
				Máy GPS. Model: RTK X91B	1				
				Thủy chuẩn điện tử AP 228	2				
				máy GPS CHC	3				
				Máy thủy chuẩn điện tử sokkia SDL30	1				

15. Thời điểm thiết kế/điều chỉnh chương trình

Lần 1: Thời điểm thiết kế 29/01/2016

Lần 2: Tháng 12 năm 2018

Lần 3: Tháng 7 năm 2021

Lần 4: Tháng 12 năm 2021

Lần 5: Tháng 12 năm 2024

PHỤ LỤC 01. DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG VÀ NGÀNH PHÙ HỢP

STT	Mã số	Tên chuyên ngành	Ghi chú
I. Ngành đúng (không phải học bổ sung kiến thức)			
1	7850103	Quản lý đất đai	
2		Quản lý ruộng đất	Tên ngành cũ
3		Địa chính	Tên ngành cũ
4		Công nghệ địa chính	Tên ngành cũ
II. Ngành phù hợp (phải học bổ sung kiến thức)			
1	426200111	Công nghệ phát triển nông thôn (thuộc ngành Phát triển nông nghiệp nông thôn)	
2	7140219	Sư phạm địa lý	
3	72908532	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	
4	7310101	Kinh tế	
5	73110110	Quản lý kinh tế	
6	7310205	Quản lý nhà nước	
7	7310205	Hành chính học (thuộc ngành Quản lý nhà nước)	
8	7310205	Hành chính công (thuộc ngành Quản lý nhà nước)	
9	7310501	Địa lý học	
10	7340101	Quản trị kinh doanh	
11	7340101	Quản trị kinh doanh bất động sản (thuộc ngành Quản trị kinh doanh)	
12	7340116	Bất động sản	
13	7340201	Tài chính ngân hàng	
14	7340301	Kế toán	
15	7340403	Quản lý công	
16	7340409	Quản lý dự án	
17	7350501	Địa lý học	
18	7380101	Luật	
19	7380101	Luật học (thuộc ngành Luật)	
20	7380107	Luật kinh tế	
21	7440201	Địa chất học	
22	7440212	Bản đồ học	
23	7440217	Địa lý tự nhiên	
24	7440224	Thủy văn học	
25	7440301	Khoa học môi trường	
26	7480201	Công nghệ thông tin	
27	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	
28	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
29	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử-viễn thông	
30	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	

31	7520320	Kỹ thuật môi trường	
32	7520503	Kỹ thuật trắc địa – bản đồ	
33	7520503	Trắc địa mỏ công trình (thuộc ngành Kỹ thuật trắc địa – bản đồ)	
34	7580105	Quy hoạch vùng và đô thị	
35	7580106	Quản lý đô thị và công trình	
36	7580112	Đô thị học	
37	7580201	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
38	7580212	Kỹ thuật tài nguyên nước	
39	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	
40	7580302	Quản lý xây dựng	
41	7580302-1	Quản lý bất động sản (thuộc ngành Quản lý đô thị)	
42	7620101	Nông nghiệp	
43	7620102	Khuyến nông	
44	7620103	Khoa học đất	
45	7620109	Nông học	
46	7620110	Khoa học cây trồng	
47	7620112	Bảo vệ thực vật	
48	7620201	Lâm học	
49	7620202	Lâm nghiệp đô thị	
50	7620205	Lâm sinh	
51	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	
52	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
53	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	
54	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
55		Thổ nhưỡng	Tên ngành cũ
56		Nông hóa- thổ nhưỡng	Tên ngành cũ
57		Thủy nông cải tạo đất	Tên ngành cũ
58		Trắc địa	Tên ngành cũ
59		Môi trường	Tên ngành cũ
60		Kinh tế địa chính	Tên ngành cũ
61		Viễn thám	Tên ngành cũ

PHỤ LỤC 02. DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC

(Áp dụng đối với ngành phù hợp)

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Luật và chính sách đất đai	4	
2	Trắc địa cơ sở 2	4	
3	Quy hoạch sử dụng đất	4	
4	Đăng ký thống kê đất đai	4	
5	Bản đồ địa chính	3	
Tổng		**19**	

PHỤ LỤC 03. MA TRẬN LIÊN KẾT HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA

Mã học phần	Tên học phần	CĐR về kiến thức					CĐR về kỹ năng			CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp		
		PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 3.1	PLO 3.2	PLO 3.3
THN3001	Tiếng Anh chuyên ngành	2							3		2	2
LLC3002	Triết học	2								2		
QLD3219	Phân tích chính sách đất đai		2	3			3			3	3	3
QLD3220	Xây dựng và phát triển CSDL đất đai					2		2			2	2
QLD3203	Đánh giá đất nâng cao				2		2			3	2	2
QLD3221	Giá đất và tài chính đất đai				2		3			3	3	3
QLD3205	Quy hoạch sử dụng đất bền vững				2		3			2	3	3
QLD3222	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ nâng cao					2		3		2	3	3
QLD3207	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu			2	2		2			3	3	3
QLD3210	Quản lý tài nguyên đất tổng hợp			2	2		2			3	3	3
QLD3011	Bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất				2		3			3	3	3
QLD3223	Ứng dụng công nghệ thông tin địa lý trong quản lý đất đai					2		3		2	3	3
QLD3212	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học		2				2			2	3	3
QTK3007	Quản lý dự án		2				3			3	3	3
QLD3224	Quản lý và sử dụng đất nông nghiệp bền vững				2		2			3	3	3
QLD3211	Quy hoạch và Quản lý đất đô thị				2		2			3	3	3
QLD3213	Thẩm định giá đất và bất động sản				2		2			3	3	3

Mã học phần	Tên học phần	CĐR về kiến thức					CĐR về kỹ năng			CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp		
		PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 3.1	PLO 3.2	PLO 3.3
QLD3214	Chính sách thu hồi đất				2		2			3	3	3
QLD3216	Thanh tra, giám sát quản lý và sử dụng đất				2		2			3	3	3
QLD3217	Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường nâng cao		2	2			2			2	2	2
QLD3020	Môi trường và phát triển bền vững				2		2			2	2	2
QLD3208	Chuyên đề chuyên ngành 1: Mô hình công nghệ trong quản lý đất đai					2		3		3	3	3
QLD3209	Chuyên đề chuyên ngành 2: Quản lý hành chính Nhà nước về đất đai		2	2	2		3			3	3	3
QLD3218	**Luận văn/Đề án tốt nghiệp**		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3